

PHỤ NỮ DI CƯ – NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI CẦN QUAN TÂM Ở KHU VỰC NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Quách Thị Hồng^{1*}, Võ Thị Kim Hoàng²

MIGRATION OF WOMEN – CONCERNING SOCIAL ISSUES IN THE RURAL REGION OF THE MEKONG DELTA, VIETNAM

Quach Thi Hong^{1*}, Vo Thi Kim Hoang²

Tóm tắt – Bài viết mô tả bức tranh tổng thể về quá trình di cư, sự biến đổi cơ cấu dân số, phân công lao động trong gia đình, vai trò truyền thống của phụ nữ xuất cư cả về không gian lẫn thời gian qua một thập kỷ (2009 – 2019). Sử dụng kết hợp phương pháp tổng hợp, phân tích với phương pháp nghiên cứu định tính, bài viết cho thấy, nguyên nhân của sự thay đổi cơ cấu dân số ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long là do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng với sự tác động của biến đổi khí hậu. Điều này ảnh hưởng không tốt đến đời sống kinh tế của một bộ phận người dân ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long. Điều đó khiến những người thất nghiệp rời bỏ quê nhà để tìm nguồn sinh kế mới, đặc biệt là lao động nữ. Di cư đã làm thay đổi cơ cấu dân số và làm phát sinh các vấn đề xã hội như sự thay đổi phân công lao động trong gia đình có phụ nữ di cư. Chính sự thay đổi này đã và đang làm tăng gánh nặng gia đình. Những người già và trẻ nhỏ ở lại quê nhà bị thiếu tình yêu thương và sự chăm sóc.

Từ khóa: cơ cấu dân số, Đồng bằng sông Cửu Long, lao động di cư, phụ nữ di cư, sinh kế.

Abstract – This article describes an overall picture of the migration process and the change in the population structure, the division of labor in the family, and the traditional role of emigrating women spatially and temporally over the past decade (2009 – 2019). By combining analysis of previous related research reports and qualitative research methods, the research results show that the causes of the change in the population structure in the Mekong Delta region are the process of industrialization and modernization of the country along with the partial impacts of climate change. These trends have adversely affected the economic life of a fraction of people in rural areas in the Mekong Delta and forced the unemployed workers in rural areas to leave their hometowns in search of new sources of livelihood, especially female workers. Migration has changed the population structure in rural families and led to social problems, particularly changes in the division of labor in families with migrant women causing increased burden to families and reduced care for the elderly and children remaining at home.

Keywords: livelihood, Mekong Delta, migrant workers, migrant women, population structure.

I. GIỚI THIỆU

Trong tiến trình phát triển kinh tế – xã hội của mỗi quốc gia, dân số có vai trò rất quan trọng. Dân số vừa là lực lượng sản xuất vừa là lực lượng tiêu dùng. Vì vậy, quy mô, cơ cấu, sự phân bố, tốc độ và chất lượng dân số có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Xã hội càng phát triển, mức sinh và mức tử sẽ giảm, tuổi

^{1,2}Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 17/8/2022; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 22/11/2022; Ngày chấp nhận đăng: 26/12/2022

*Tác giả liên hệ: qthong@agu.edu.vn

^{1,2}An Giang University, Viet Nam National University Ho Chi Minh City (VNUHCM)

Received date: 17th August 2022; Revised date: 22nd November 2022; Accepted date: 26th December 2022

*Corresponding author: qthong@agu.edu.vn

thọ bình quân được nâng cao. Từ đó, các yếu tố kinh tế – xã hội có tác động mạnh đến các yếu tố của dân số như sinh, tử, kết hôn, di dân [1].

Trong những năm gần đây, tình trạng di cư ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) không ngừng gia tăng. Đặc biệt, lao động trẻ di cư đến các tỉnh, thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và cả xuất khẩu lao động sang một số nước như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản. Chính sự di cư ồ ạt của nguồn lao động trẻ đã làm phát sinh những vấn đề xã hội ở khu vực nông thôn như thiếu nguồn lao động trẻ, người già và trẻ nhỏ thiếu sự quan tâm chăm sóc từ người thân di cư, đặc biệt là gánh nặng chăm trẻ nhỏ đặt lên vai những người già. Từ đó, khu vực nông thôn dần dần trở thành nơi chậm phát triển cả về kinh tế lẫn đời sống xã hội. Bài viết tập trung nghiên cứu và phân tích sự tác động của nền kinh tế thị trường cũng như sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất nông nghiệp và nguồn lao động nông thôn. Từ đó, một lần sóng di cư diễn ra ồ ạt trong hơn một thập kỉ qua (2009 – 2019). Đặc biệt, sự di cư của nhóm lao động nữ đã làm thay đổi sự phân công lao động trong các gia đình nông thôn khu vực ĐBSCL.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Từ những năm đầu thế kỉ XX, di cư và những yếu tố ảnh hưởng đến di cư được quan tâm và nghiên cứu một cách sâu rộng tại Việt Nam với sự tham gia của nhiều ngành khoa học khác nhau như nhân học, xã hội học, tâm lí học và kinh tế học. ActionAid Vietnam [2], Đặng Nguyên Anh [3], Cao Thị Duyên [4] đã phân tích và phác họa nên một bức tranh về đời sống vật chất cũng như tinh thần của người di cư, đặc biệt là phụ nữ di cư. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, vẫn còn rất ít công trình nghiên cứu một cách cụ thể và phân tích sâu sự thay đổi phân công lao động trong những gia đình có phụ nữ di cư ở khu vực nông thôn, nếu có thì chỉ dừng lại ở việc mô tả khái quát.

Vì vậy, trong phần tổng quan, bài viết sẽ trình bày ba nội dung chính: nguyên nhân ảnh hưởng đến quyết định di cư và sự thay đổi phân công lao động trong những gia đình có phụ nữ di cư, những vấn đề phát sinh từ sự thay đổi vai trò này.

Nguyên nhân dẫn đến quyết định xuất cư

ActionAid Vietnam [2] cho rằng, quyết định di cư là kết quả của một quá trình tương tác của các yếu tố lực đẩy và lực hút. Khi nghiên cứu và phân tích về lực hút, một số tác giả đồng tình với nhận định như sau: đối với một nước có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp như Việt Nam, sự di dân lao động nông thôn – đô thị là chiến lược quan trọng góp phần giải quyết khó khăn ở quê nhà như sức ép dân số, tình trạng thất nghiệp và thất nghiệp tạm thời ở nông thôn, bất bình đẳng và phân tầng xã hội, tạo ra những lợi thế đặc biệt cho nền kinh tế thông qua việc phân phối tiền và hàng hóa, chuyển giao lao động, phổ biến thông tin, từ đó hiện đại hóa cấu trúc xã hội nông thôn truyền thống [5, 6].

Một trong những yếu tố tạo nên lực hút là xu hướng ‘nữ hóa quá trình di cư’. Trên bình diện giới, một số tác giả cho rằng: ‘Trước đây, đi làm ăn xa kiếm tiền được coi là trách nhiệm của nam giới. Ngày nay, phụ nữ đã trở thành một phần quan trọng trong những dòng di dân ra đô thị với số lượng ngày càng tăng, tham gia vào mọi lĩnh vực như kinh doanh, thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố. Đã có những thay đổi trong khuôn mẫu và chuẩn mực giới, đóng góp kinh tế gia đình cũng đồng thời giúp vai trò và quyền lực của phụ nữ từng bước được nhìn nhận, họ đã có thể đưa ra quyết định, chỉ ít cũng là nêu ý kiến trước những cơ hội cải thiện điều kiện kinh tế gia đình, cơ hội thăng tiến xã hội [5, 7].

Khi nói về lực đẩy như là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư của người lao động nữ, Đặng Nguyên Anh [3] cho rằng quyết định di cư thường được đưa ra khi hộ gia đình đã trải qua và đang gánh chịu khó khăn. Một mặt, những yếu tố mang tính cấu trúc tác động đến quyết định di cư bao gồm nhu cầu đối với nguồn lao động, tiền công thấp mà chủ yếu là lao động nữ. Điều này dễ nhận thấy ở đặc điểm các thị trường lao động có mức độ phân khúc cao ở cả nơi đi lẫn nơi đến. Mức đầu tư vào công nghiệp và nông nghiệp nhìn chung thấp bởi tình trạng dư thừa lao động và thiếu đất canh tác.

Những vấn đề về di cư

Ngày nay, xu hướng lao động nữ di cư ra thành phố ngày càng tăng. Đây cũng là một nhân tố kéo theo sự biến đổi trong cuộc sống gia đình ở nông

thôn. Người phụ nữ vốn quen với công việc nội trợ và chăm sóc con cái đã bứt phá ra đi để tìm kiếm thêm nguồn thu nhập cho gia đình. Người chồng ở quê trở thành người gánh vác công việc gia đình và chăm sóc con cái. Đây là điểm mấu chốt cho những biến đổi về vai trò giới trong gia đình và cũng là nhân tố thách thức tính bền vững của các gia đình có người di cư [8].

Việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ

Catherine Locke et al. [5] cho rằng phụ nữ di cư với khoảng cách gần vẫn có thể thực hiện trách nhiệm làm mẹ từ xa thông qua việc về thăm nhà thường xuyên để chăm sóc con cái, chuẩn bị và sắp đặt người chăm sóc thay cho vai trò chăm sóc của mình khi họ vắng nhà. Tuy nhiên, những người di cư với khoảng cách xa sẽ có khoảng thời gian cách xa con cái lâu hơn và không thể thường xuyên thực hiện trách nhiệm của người mẹ từ xa.

Di cư có ảnh hưởng gần và gây ra những căng thẳng đến các vai trò trong gia đình. Những người di cư quan tâm một cách sâu sắc tới việc sống xa cách giữa bố mẹ với con cái và họ nhấn mạnh đến những tác động của sự xa cách lên mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái cũng như sự phát triển xã hội của con cái. Mặc dù, người di cư từ những khoảng cách xa, nhưng họ đều tiên lượng được vai trò làm cha mẹ trong điều kiện này sẽ phải đối mặt với những khó khăn sâu sắc hơn khi con cái của họ lớn hơn và chúng có những nhu cầu phức tạp hơn về sự chỉ dẫn của cha mẹ. Ở nơi nào mà lao động di cư cùng với việc chia cắt con cái khỏi cha, mẹ hoặc cả cha và mẹ trong giai đoạn phát triển quan trọng của trẻ thì nơi đó thường đánh giá thấp việc tái sản xuất lao động ở nông thôn. Ấn tượng rõ ràng có sự căng thẳng và sự thiếu hụt trong cả vai trò làm mẹ và làm cha một cách quan trọng và điều này sẽ có tác động lâu dài lên cả sự phát triển của trẻ em và cả mối quan hệ giữa các thế hệ. Tác động tiêu cực lên sự phát triển tình cảm, xã hội và đạo đức của trẻ em có thể phá hủy hoàn toàn các cố gắng của người di cư để kiếm được nhiều tiền hơn cho cuộc sống tốt hơn của con cái họ và gây nguy hiểm cho mối quan hệ với con cái của họ về lâu dài [9].

Việc chăm sóc và nuôi dưỡng người già

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Mỹ Trang [10] cho thấy tác động của di cư đã làm cho cuộc sống

của hộ gia đình người cao tuổi có nhiều xáo trộn. Nhiều người cao tuổi phải sống cô đơn, nhiều hộ gia đình chỉ có người cao tuổi. Tình trạng hộ gia đình khuyết thể hệ chỉ có ông bà sống cùng cháu chưa có khả năng tự lập và đang rất cần sự chăm sóc của người lớn. Vì thế, số người có thể chăm sóc người cao tuổi trong hộ gia đình ngày càng giảm, trong khi đó, không ít người cao tuổi trong gia đình lại chính là người phải trực tiếp chăm sóc, thậm chí là trụ cột gia đình – làm kinh tế để tự nuôi bản thân và chăm sóc các cháu nhỏ của mình. Đây là thực trạng dễ nhận thấy và phổ biến ở vùng nông thôn của Việt Nam hiện nay. Vì thế, không ít người cao tuổi ở nông thôn vừa phải lo công việc đồng áng vừa phải lo chăm sóc cháu. Do đó, họ phải chịu gánh nặng kép.

Việc di cư một mặt giúp những cặp vợ chồng thêm hiểu, yêu thương và lo lắng nhau nhiều hơn, mặt khác, nó cũng khiến những cặp vợ chồng không chịu được xa cách nên dễ rơi vào tệ nạn xã hội, ngoại tình. Một số gia đình ở trong tình trạng rạn nứt quan hệ hôn nhân, thậm chí là bạo lực gia đình, cãi cọ xung đột [4].

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Phân tích thông tin thứ cấp

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thông tin thứ cấp dựa trên các dữ liệu thống kê quốc gia, các báo cáo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê tỉnh An Giang, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang cũng như một số tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL, các nghiên cứu trong và ngoài nước về dân số, di cư.

Một số nội dung từ nguồn dữ liệu thứ cấp được trích dẫn làm minh chứng cho nội dung bài viết cả về mặt số liệu và quan điểm của bài viết.

B. Thu thập và phân tích thông tin sơ cấp

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với công cụ phỏng vấn sâu để làm sáng tỏ một số vấn đề cần quan tâm, cụ thể như sự tác động của nền kinh tế thị trường và sự biến đổi khí hậu đến đời sống của người dân nông thôn, đặc biệt là phụ nữ xuất cư và gia đình họ. Sự thay đổi trong phân công lao động trong gia đình như về sản xuất và tái sản xuất, nuôi dưỡng; cũng như các vấn đề giới tồn tại trong gia đình có

phụ nữ xuất cư, những vấn đề phát sinh và những mong muốn, nguyện vọng của phụ nữ xuất cư và gia đình họ. Trong quá trình phỏng vấn, bài viết sẽ có thêm những câu hỏi phụ nhằm gợi mở và khai thác thêm chi tiết vấn đề cần nghiên cứu. Nội dung phỏng vấn sẽ được sử dụng làm minh chứng phù hợp với nội dung phân tích của bài viết.

Chọn mẫu: Bài viết sử dụng phương pháp chọn mẫu chỉ tiêu để tìm hiểu tình hình thay đổi phân công lao động trong gia đình cũng như các vấn đề giới tồn tại trong gia đình có phụ nữ di cư.

Mẫu phỏng vấn sâu là 8 hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Chợ Mới tỉnh An Giang năm 2014, cụ thể như sau:

- 7 phụ nữ xuất cư: 3 phụ nữ xuất cư xa (di cư đến các tỉnh khác) và 4 phụ nữ xuất cư gần. Phụ nữ xuất cư đã có gia đình, có độ tuổi từ 18 trở lên.

- 8 người thân trong gia đình phụ nữ xuất cư: 4 trường hợp là cha, 1 trường hợp là mẹ, 2 trường hợp là chồng, 1 trường hợp là em gái. Những người thân trong gia đình của phụ nữ xuất cư là những người sống cùng chung một mái nhà và có sử dụng nguồn tiền gửi về từ phụ nữ xuất cư.

Các tiêu chí phỏng vấn sâu dành cho gia đình có phụ nữ di cư bao gồm các phần như sau:

- Một số đặc điểm về kinh tế – xã hội của hộ gia đình có phụ nữ di cư
- Sự thay đổi trong phân công lao động trước và sau khi phụ nữ xuất cư
- Những khó khăn, mong muốn, nguyện vọng của phụ nữ và gia đình

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Thực trạng biến đổi cơ cấu dân số ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long

Dân số là số lượng và chất lượng người của một cộng đồng dân cư, cư trú trong một vùng lãnh thổ (châu lục, quốc gia...) tại một thời điểm nhất định. Dân số luôn biến động theo thời gian và không gian. Những biến động về dân số có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và xã hội. Trong đó, cơ cấu dân số là sự phân chia toàn bộ dân số thành các bộ phận khác nhau theo một số tiêu chí nhất định. Các loại cơ cấu dân số chủ yếu được sử dụng nhiều trong dân số học là cơ cấu theo giới tính, tuổi,

lao động, trình độ học vấn, khu vực nông thôn và thành thị. Sự thay đổi cơ cấu tuổi dân số của một quốc gia là căn cứ rất quan trọng để quốc gia đó có thể hoạch định chính sách phát triển kinh tế, thị trường lao động, y tế, giáo dục, chính sách xã hội [11].

Các nghiên cứu sử dụng nhiều cách thức khác nhau để phân chia tổng dân số, mỗi cách thức phục vụ cho những mục đích nghiên cứu khác nhau và có ý nghĩa trong việc phân tích, đánh giá và điều chỉnh quá trình dân số theo hướng có lợi cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội lâu dài và ổn định.

Theo kết quả tổng điều tra dân số của Tổng cục Thống kê năm 2009 và năm 2019, dân số ở khu vực ĐBSCL có giảm ở nhiều tỉnh, thành như Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh. Bảng 1 cho thấy, trong 10 năm, khu vực ĐBSCL có khoảng 694.660 người di chuyển ra khỏi khu vực nông thôn. Đây là một con số rất lớn và rất đáng quan tâm.

Sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi

Cơ cấu dân số theo tuổi phụ thuộc vào mức sinh, mức tử và mức độ di dân của dân số. Trong đó, di dân tác động đáng kể đến cấu trúc tuổi và giới tính của dân số nông thôn và thành thị. Kể từ khi nền kinh tế chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, di cư trong nước đã thay đổi với cường độ ngày một tăng. Ở Việt Nam, do độ tuổi lao động được quy định là từ 15 đến 59 tuổi, các tỉ số phụ thuộc và chỉ số già hóa thường được tính với nhóm dân số trong và trên độ tuổi lao động, lần lượt là 15 – 59 tuổi và từ 60 tuổi trở lên.

Bảng 2 cho thấy số dân ở khu vực nông thôn ĐBSCL có độ tuổi từ 15 đến 34 tuổi sụt giảm nhiều. Độ tuổi từ 35 trở lên ở khu vực nông thôn có xu hướng gia tăng. Điều này có thể được lý giải là do những người trẻ di cư nhiều hơn so với những người có độ tuổi từ trung niên trở đi. Lao động trẻ có nhiều cơ hội, lựa chọn và có sức khỏe tốt, linh hoạt và nhanh nhạy với nền kinh tế thị trường. Không những vậy, những lao động trẻ lại rất năng động và thích di cư tìm kiếm những cơ hội mới cho bản thân và gia đình mình. Đặc biệt, cùng với quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, tình trạng lao động trẻ bỏ nông nghiệp, nông thôn ra thành phố, ra nước

Bảng 1: Dân số ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long

Đơn vị: người

Dân số ở khu vực nông thôn ĐBSCL	2009	2019	Dân số thay đổi sau 10 năm (+: tăng; -: giảm)
Long An	1.186.036	1.417.050	+231.014
Tiền Giang	1.443.305	1.516.850	+73.545
Bến Tre	1.131.632	1.162.163	+30.531
Trà Vinh	849.316	835.582	-13.734
Vĩnh Long	867.907	853.118	-14.789
Đồng Tháp	1.370.508	1.294.530	-75.978
An Giang	1.534.436	1.305.482	-228.954
Kiên Giang	1.233.228	1.235.076	+1.848
Cần Thơ	405.313	374.614	-30.699
Hậu Giang	608.987	546.919	-62.068
Sóc Trăng	1.042.280	811.103	-231.177
Bạc Liêu	632.559	655.598	-23.039
Cà Mau	960.674	923.413	-37.261

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả của Tổng cục Thống kê [12, 13]

Bảng 2: Dân số từ 15 tuổi trở lên ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long

Đơn vị: người

Nhóm tuổi ở khu vực nông thôn ĐBSCL	2009	2019
15-19	1.293.153	865.280
20-24	1.271.866	720.641
25-29	1.256.534	961.807
30-34	1.126.391	1.098.017
35-39	1.055.288	1.112.703
40-44	984.975	1.007.568
45-49	789.451	938.315
50-54	652.741	897.263
55-59	509.943	723.332
60-64	297.580	572.061
65-69	237.982	448.541
70-74	209.933	247.609
75-79	174.969	171.281
80-84	107.836	126.811
85+	77.147	123.609

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả của Tổng cục Thống kê [12, 13]

ngoài kiếm sống ngày càng gia tăng đất đai sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, thu nhập tại địa phương thấp và bấp bênh. Sự phát triển của cơ chế thị trường với sức hút của các đô thị lớn đã tạo nên dòng di chuyển lao động từ

nông thôn ra thành thị. Sự chênh lệch về cơ hội việc làm và mức sống giữa các vùng, giữa các tỉnh là tiền đề của sự di dân và di chuyển lao động. Bên cạnh đó, hiện tượng người nông dân bỏ ruộng như hiện nay là một biểu hiện đáng báo động bởi nó ảnh hưởng rất lớn tới sự cân bằng trong lực lượng sản xuất ở nông thôn. Những lao động trẻ, khỏe hầu như đều đi kiếm việc làm ở nơi khác. Do vậy, ở nông thôn hiện nay còn lại chủ yếu là người già và trẻ em. Tình trạng này khiến cho nhiều địa phương bị thiếu lao động trầm trọng, nhất là vào các mùa vụ.

Sự biến đổi cơ cấu dân số của nông dân ở khu vực ĐBSCL không chỉ dẫn đến sự phân hóa giàu – nghèo, mà còn dẫn đến sự thay đổi về văn hóa, lối sống, hệ giá trị cuộc sống ở khu vực nông thôn. Đó là nguồn gốc dẫn tới những hiện tượng phức tạp trong quan hệ xã hội, phát sinh những tệ nạn, hiện tượng tiêu cực, phá vỡ những truyền thống tốt đẹp, sự cố kết cộng đồng truyền thống vốn có ở nông thôn. Một bộ phận nông dân ở nông thôn không thích ứng kịp thời với nền kinh tế thị trường, với thang giá trị mới, xuất hiện tâm lí bất an.

Ngoài ra, quá trình già hóa dân số ở ĐBSCL đang diễn ra nhanh hơn so với mức trung bình cả nước do tình trạng xuất cư cao của lao động trẻ. Tỷ lệ phụ thuộc của người cao tuổi sẽ tăng

lên trong hai thập niên tới. Kết hợp với nhiều yếu tố, ĐBSCL sẽ đối mặt với vấn đề trung hạn là dân số trở nên già hóa cùng với nghèo hóa, khi những lớp di dân nông thôn – thành thị đầu tiên không tham gia thị trường lao động thành thị và trở về nông thôn sinh sống.

Biến đổi khí hậu đã tác động tiêu cực đến kinh tế của những người sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở ĐBSCL, khiến nhiều hộ ở ven biển tìm đến khu vực Đông Nam Bộ kiếm sống. Báo cáo nghiên cứu của Đặng Nguyên Anh và cộng sự năm 2016 [14] đã cho thấy BĐKH tác động đến các nhóm xã hội ở các khía cạnh khác nhau, trong đó có vấn đề di cư. Di cư trong nước là chủ yếu, cứ mỗi năm ĐBSCL mất đi khoảng hơn 1 triệu người dân phải di dời nơi sinh sống do hạn hán, xói mòn vùng biển hay ngập mặn. Di cư theo thời vụ hoặc di cư lâu dài nhằm mục đích cải thiện sinh kế cá nhân hoặc gửi tiền về hỗ trợ gia đình và cộng đồng ở quê nhà vì suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu.

Sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính

Trước đây, quá trình di cư tập trung nhiều ở nam giới. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, do sự đa dạng của các ngành nghề và sự thuận lợi trong quá trình di chuyển nên ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia vào làn sóng di cư từ nông thôn đến các thành phố lớn.

Trong quá trình công nghiệp hoá, việc thu hẹp diện tích đất nông nghiệp để xây dựng nhà máy và các công trình dịch vụ khác là điều tất yếu. Sự giảm bớt đất canh tác của nông dân, sự thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn, sự chuyển lao động thuần nông sang lao động khác tạo ra nhiều giá trị sản phẩm và giá trị gia tăng hơn, giảm tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế là những việc cần làm. Tuy nhiên, việc thu hẹp diện tích đất canh tác nông nghiệp để công nghiệp hoá và đô thị hoá ở ạt đã tạo nên những tác động bất lợi đến đời sống người dân ở nông thôn, đặc biệt là những người nông dân đang trong tình trạng thiếu hụt các nguồn vốn sinh kế.

Kết quả nghiên cứu định tính của bài viết đã cho thấy, nguyên nhân di cư của phụ nữ là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, trình độ học vấn thấp, lại không có tay nghề chuyên môn nên bản thân họ khó có thể tìm kiếm cho mình một công việc có thu nhập cao và bền vững. Trong khi đó, khu vực họ sinh sống lại ở các vùng nông thôn,

thiếu hụt những nhà máy, xí nghiệp, những cơ sở giải quyết nhiều việc làm tại chỗ do hạn chế về cơ sở hạ tầng và nhiều yếu tố khách quan khác đã ảnh hưởng đến đời sống kinh tế khó khăn của họ và gia đình.

Mặc dù trong thời gian qua, khu vực ĐBSCL đã hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình, đẩy mạnh việc áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tích cực vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, nhưng thực tế cho thấy, việc nâng cao thu nhập trên cơ sở một nền nông nghiệp thiếu ổn định, đặc biệt là giá cả nông sản bấp bênh trong thời gian qua làm cho công tác xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững. Phụ nữ quyết định di cư chỉ nhằm mục đích cải thiện đời sống kinh tế cho bản thân, gia đình họ, đặc biệt là có điều kiện cho việc tiếp cận cơ hội giáo dục cho con em mình.

Hầu hết phụ nữ di cư là do sự thiếu hụt về nguồn vốn con người như trình độ học vấn thấp, việc làm không ổn định, số thành viên trong gia đình cao. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt cả về nguồn vốn tài chính, vật chất và tự nhiên khiến phụ nữ di cư và gia đình họ khá bị động trong quá trình thoát nghèo tại quê nhà. Vì vậy, việc di cư đến các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Đồng Nai là chiến lược sinh kế sống còn của chính bản thân và gia đình họ.

Bên cạnh đó, hiện tượng di cư quốc tế do phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông Trung Quốc, Hàn Quốc và sau khi li hôn, họ mang con về quê hương đang đặt ra nhiều vấn đề pháp lý cần được giải quyết. Các vấn đề về di cư và di dân của vùng ĐBSCL đòi hỏi phải có chiến lược, kế hoạch, chương trình, chính sách đồng bộ và lâu dài.

ĐBSCL rất giàu tiềm năng phát triển nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, chế biến, du lịch và tạo nhiều cơ hội việc làm cho lao động nữ. Nhưng hiện nay, khu vực này đang đối mặt với nhiều nguy cơ từ biến đổi khí hậu. Việc thu hồi đất nông nghiệp phục vụ mục đích khác kéo theo nhiều hệ lụy ảnh hưởng tới đời sống, việc làm của người dân khu vực nông nghiệp, đặc biệt là đối với lao động nữ. Do đó, lực lượng lao động nữ bỏ địa phương đi làm ăn xa khá nhiều, phụ nữ lao động trong các khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn về thời gian chăm sóc gia đình,

về tiền lương (chưa đủ sống và lo cho gia đình). Không những vậy, một bộ phận phụ nữ sau 35 tuổi không còn được làm việc hoặc không xin được việc trong các công ti, xí nghiệp. Do đó, họ buộc phải quay trở về quê nhà làm những nghề tự do để kiếm sống và tiếp tục cuộc sống vất vả do thu nhập không ổn định.

Trước đây, trong các hoạt động đời sống gia đình, người vợ, với sự phân công vai trò truyền thống, gắn với nội trợ và phạm vi hoạt động chủ yếu là trong gia đình và họ hàng. Vì vậy, những kì vọng về đóng góp kinh tế hay thăng tiến trong công việc của người phụ nữ được đánh giá thấp hơn so với nam giới. Khi xã hội bắt đầu công nghiệp hóa và gắn liền với nó là quá trình đô thị hóa, mô hình vai trò giới mới có sự biến đổi và phân công lại giữa vợ và chồng. Nền sản xuất trong một xã hội công nghiệp hoá kéo người phụ nữ ra khỏi công việc nội trợ và tham gia vào lực lượng lao động xã hội. Sự biến đổi gia đình như vậy đã tạo cơ hội tích cực nhất định cho người phụ nữ. Lúc này người vợ cũng sẽ có cơ hội tham gia lao động bên ngoài gia đình, người chồng sẽ hỗ trợ, chia sẻ việc nội trợ, chăm sóc con cái trong gia đình.

Ngày nay, khuôn mẫu giới đã có sự thay đổi nhất định. Chẳng hạn, phụ nữ và nam giới đều có vai trò trụ cột về kinh tế như nhau. Riêng vai trò tái sản xuất như các công việc nội trợ, chăm sóc con cái và người già thì phụ nữ vẫn được kì vọng là làm tốt hơn so với nam giới. Sự thay đổi khuôn mẫu giới thể hiện rõ nét hơn trong những gia đình có phụ nữ di cư, khi có sự tái phân công lại lao động trong gia đình.

B. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu dân số

Hai yếu tố chính tác động đến quyết định di dân của người lao động nông thôn là sự chuyển dịch nền kinh tế thị trường và sự biến đổi khí hậu ở khu vực ĐBSCL nói chung, tỉnh An Giang nói riêng. Một số nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa kinh tế thị trường với cơ cấu dân số. Khi nền kinh tế thị trường thay đổi sẽ kéo sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhiều chiều hướng khác nhau và ngược lại, sự biến động về cơ cấu dân số sẽ kìm hãm hoặc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở từng không gian và thời gian nhất định. Ngoài ra, cơ cấu dân số thường

xuyên vận động theo thời gian. Nó có thể tăng hoặc giảm tùy theo sự chuyển hướng biến động của các nhân tố sinh, tử và di dân.

Di dân tác động trực tiếp đến cơ cấu dân số. Sự xuất cư của một bộ phận dân số từ một vùng nào đó làm cho quy mô dân số của vùng giảm đi và ngược lại, số người nhập cư nhiều sẽ làm cho quy mô dân số trong vùng tăng lên. Cơ cấu tuổi và giới tính của dân số cũng chịu ảnh hưởng nhiều của di dân. Tỷ lệ giới tính giữa các độ tuổi khác nhau trong dân số có nhiều trường hợp có những chênh lệch đáng kể do cường độ và tính chất chọn lọc của di dân.

Có thể khẳng định rằng, sự biến động cơ cấu dân số của bất kì vùng nào cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố trên. Nhưng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội mà sự tác động của các yếu tố đối với mỗi vùng, mỗi quốc gia khác nhau sẽ khác nhau.

ĐBSCL là một trong những khu vực dễ tổn thương nhất trên thế giới bởi suy thoái môi trường và hệ quả của biến đổi khí hậu. Đây là một khu vực có mật độ dân số cao, đất đai màu mỡ và cư dân lệ thuộc nhiều vào nông nghiệp và đánh bắt thủy hải sản. Những hoạt động kinh tế này bị đe dọa nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu, điều này tạo nên làn sóng di cư lớn ở khu vực này nhằm tìm kiếm cơ hội mưu sinh thay thế. Phần lớn người di cư ở đây là tự phát. Theo báo cáo khảo sát tại một số vùng nông thôn của IOM [15], trung bình cứ ba hộ dân thì có hai hộ có một hoặc nhiều thành viên đã từng di cư trong vòng 10 năm qua, những lần di cư này kéo dài hơn một năm nên được xem là di cư dài hạn. Các khu vực đô thị ở ĐBSCL và đặc biệt đô thị trọng điểm như Thành phố Hồ Chí Minh được xem là nơi thu hút nhiều người di cư đến.

Khi nói về ĐBSCL, chúng ta liên tưởng đến một vùng đồng bằng trù phú bậc nhất Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển vùng ĐBSCL trong thập niên qua (2010 – 2019) không cho thấy như thế. Với lợi thế được thiên nhiên ưu đãi (địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu) và nguồn lao động dồi dào, ĐBSCL được xem là vựa lúa, vựa trái cây, vựa thủy sản của cả nước khi đóng góp 50% sản lượng lúa, 95% sản lượng gạo xuất khẩu, 70% các loại trái cây, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản và 60% sản lượng cá xuất khẩu của cả nước [16]. Tuy nhiên, hạn, mặn, sạt lở, ngập

Bảng 3: Số lượng người lao động từ 15 tuổi trở lên xét theo giới tính ở khu vực nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long

Đơn vị: người

Nhóm tuổi ở khu vực nông thôn ĐBSCL	Nam		Nữ	
	2009	2019	2009	2019
15-19	679.977	448.994	616.176	416.286
20-24	669.826	378.645	602.040	341.996
25-29	648.776	498.085	607.758	463.722
30-34	577.518	570.169	548.873	527.848
35-39	539.496	573.291	515.792	539.412
40-44	498.127	515.851	486.848	491.717
45-49	380.883	478.257	408.568	460.058
50-54	291.784	448.380	360.957	448.883
55-59	234.998	341.901	274.945	381.431
60-64	132.639	245.008	164.941	327.053
65-69	93.754	198.877	144.228	249.664
70-74	81.551	105.759	128.382	141.850
75-79	72.215	62.543	102.754	108.738
80-84	44.639	45.910	63.197	80.901
85+	27.123	47.701	50.024	75.908

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả của Tổng cục Thống kê [12, 13]

lực, ô nhiễm môi trường và những tác động khác của biến đổi khí hậu đã và đang gây ảnh hưởng nặng nề lên vùng ĐBSCL. Cùng với đó, nhiều vấn đề nội tại của vùng phát sinh như chất lượng tăng trưởng giảm, năng suất lao động thấp, cấu trúc nền kinh tế chưa thật sự ổn định, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế, di cư đến các thành phố lớn và các trung tâm kinh tế ngày một gia tăng. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành các nghị quyết, chính sách để phát triển kinh tế – xã hội của vùng ĐBSCL nhưng việc thực thi nghị quyết, chính sách trên thực tế chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển vùng đồng bằng này [16].

Về mặt xã hội, ĐBSCL nhìn chung đã thành công trong việc xóa đói, giảm nghèo nhưng mức sống của người dân còn thấp hơn so với mức trung bình chung của cả nước. Tính đến 2018, tỉ lệ hộ nghèo ở ĐBSCL là 5,2% theo chuẩn nghèo của Chính phủ và 5,8% theo chuẩn nghèo đa chiều. Tuy nhiên, GRDP bình quân đầu người của ĐBSCL bằng khoảng 80% so với mặt bằng chung cả nước và xu hướng cách biệt ngày càng tăng, đặc biệt so với vùng Đông Nam Bộ. Số lượng di cư rông khỏi ĐBSCL trong thập niên vừa qua là gần 1,1 triệu người, lớn hơn dân số

của một số tỉnh trong vùng và tương đương với số tăng dân số tự nhiên của cả vùng. Bên cạnh đó, chất lượng giáo dục không theo kịp các vùng miền khác. Chính do sự chênh lệch về mức sống và cơ hội kinh tế của ĐBSCL so với nơi khác nên vùng ĐBSCL có tỉ lệ nhập cư thấp nhất và tỉ lệ xuất cư (thường đến vùng Đông Nam Bộ) cao nhất so với cả nước [16].

Sự biến đổi cơ cấu kinh tế trong quá trình đổi mới tất yếu dẫn đến sự biến đổi cơ cấu xã hội nói chung và cơ cấu dân số nói riêng. Bên cạnh những thành tựu đạt được do sự chuyển đổi về cơ cấu kinh tế mang lại như sự biến đổi cơ cấu dân số, lao động ở nông thôn ngày càng tăng, góp phần tăng nhanh nguồn nhân lực (đây là yếu tố rất quan trọng trong lực lượng sản xuất, tích cực thúc đẩy phát triển sản xuất), những hệ quả kèm theo là điều không tránh khỏi. Đó là vấn đề việc làm cho lực lượng lao động đang phát triển mạnh tại địa phương. Khi tư liệu sản xuất và những điều kiện vật chất khác còn hạn hẹp mà lực lượng lao động lại phát triển nhanh thì ở nông thôn sẽ dư thừa lao động và kèm theo đó là tình trạng di dân tự phát từ nông thôn ra thành thị. Vấn đề này đã trở nên bức xúc đối với cả cộng đồng và từng gia đình. Số lao động thừa

ngày càng tăng làm cho năng suất lao động chung bị hạ thấp, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của nông nghiệp, đó là chưa kể đến những hậu quả về mặt xã hội [17].

Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã dẫn đến sự dịch chuyển lao động mạnh mẽ giữa các lĩnh vực nói chung và lao động di cư nói riêng. Khi phải chịu nhiều áp lực về rủi ro kinh tế và môi trường, sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo một mức lợi nhuận tối thiểu và duy trì cuộc sống ổn định cho người nông dân. Sự gia tăng bất bình đẳng, không có đất sản xuất, di cư lao động, đặc biệt là vào các khu vực đô thị, là những hệ quả đáng kể nhất. Đồng thời, các thành phần kinh tế cấp hai và cấp ba tại ĐBSCL hiện nay không đủ khả năng để tiếp nhận lực lượng lao động nông nghiệp trước đây. Đây cũng là một trong những nguyên nhân thúc đẩy người lao động đưa ra quyết định di cư. Kết quả là, việc di cư ngày càng tăng.

Tỉ lệ thất nghiệp của ĐBSCL từ năm 2009 đến năm 2019

Trong năm 2009, tỉ lệ thất nghiệp được tính cho dân số trong độ tuổi lao động của nước ta ở khu vực nông thôn là 3,0% nhưng đến năm 2019, tỉ lệ số người thất nghiệp ở khu vực này giảm còn 2,12%. Điều này một phần là do nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố di cư đến các thành phố lớn để sinh sống và tìm kiếm việc làm.

Bảng 4: Tỉ lệ thất nghiệp theo giới tính, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế – xã hội

Đơn vị: %

Tỉ lệ thất nghiệp	Chung	Khu vực		Giới tính	
		Thành thị	Nông thôn	Nam	Nữ
		2009	3,3	4,5	3,0
2019	2,42	3,39	2,12	2,07	2,87

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả của Tổng cục Thống kê [12, 13]

Nghiên cứu trước đây của Ngô Phương Lan đã phân tích mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và di cư lao động tại vùng ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu phân tích cho thấy, dư thừa lao động mùa vụ, thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ở nông thôn và các yếu tố bất ổn trong sản xuất nông nghiệp được xem là những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy người dân di cư. Bên cạnh đó, chất lượng lao động di cư ở khu vực ĐBSCL

chưa cao, nơi đến chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương. Do đó, số người trong độ tuổi lao động thiếu việc làm, thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp, ngày công, tiền lương thấp [18].

Action Aid Việt Nam cho rằng, quyết định di cư là kết quả của một quá trình tương tác của các yếu tố lực đẩy và thu hút. Bối cảnh kinh tế thị trường góp phần giải quyết được nhiều lao động, chất lượng đời sống của người dân không ngừng được nâng cao. Song song với đó, sự phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ cần nhiều lao động nữ đã tạo ra xu hướng nữ hóa di cư. Sự phát triển nền kinh tế thị trường đã tạo ra lực hút lao động di chuyển đến các thành phố lớn và các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường là sự phân hóa ngày càng sâu sắc giữa khu vực thành thị và nông thôn. Trong khi đó, nếu khu vực thành thị không ngừng mở rộng và phát triển thì khu vực nông thôn lại không ngừng bị thu hẹp và khả năng giải quyết việc làm lại thấp. Khu vực nông thôn có nguồn lực lao động dồi dào, tỉ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm của người dân ở khu vực nông thôn cao, đời sống kinh tế của một bộ phận người dân nghèo ở khu vực nông thôn ngày càng khó khăn. Vì những yếu tố này nên khu vực nông thôn đã tạo ra lực đẩy, đẩy người lao động đi đến các thành phố và khu công nghiệp lớn để tìm kiếm việc làm và thu nhập ổn định [2]. Riêng kết quả nghiên cứu định tính còn cho thấy nguyên nhân dẫn đến quyết định di cư của phụ nữ nghèo ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang như trường hợp của chị N.T.K.L và chị B là do nhà có ít ruộng đất trong khi giá cả nông sản đầu ra thấp, không đủ trang trải sinh hoạt cuộc sống hằng ngày của gia đình nên chị L quyết định bàn bạc với chồng, con và người thân chọn giải pháp di cư để tìm kiếm cơ hội mới nhằm cải thiện đời sống kinh tế gia đình.

‘Ở quê tôi cuộc sống không phát triển, ở thành phố dễ kiếm tiền hơn, thu nhập gấp đôi hơn ở quê. Tôi chỉ đi một mình. Ông ở nhà làm vườn. Nghề của tôi là làm nghề may. Ở quê, làm suốt ngày có mấy chục ngàn thôi. Ở đây có thể kiếm hai ba trăm ngàn một ngày. Cuộc sống ở đây dễ kiếm tiền hơn nhiều.’

(Chị N.T.K.L, 44 tuổi, thợ may, phỏng vấn ngày 6 tháng 3 năm 2014)

‘Cuộc sống của gia đình đã đỡ hơn, ví dụ ở quê mình thiếu thốn, mình đi ra thành phố thì có dư, ăn đầy đủ hơn ở quê. Giờ đi làm và cố gắng tiết kiệm được ít tiền thì quay về quê mở quán buôn bán gì đó. Tại cuộc sống ở quê không có sở làm, không có tiền bạc lo cho nó ăn học nữa nên mới đi. Nói chung cuộc sống ở quê khó khăn lắm, gia đình không có đất ruộng gì, muốn làm ở quê để gần cha mẹ, gần người thân nhưng khổ quá thì phải ra đi kiếm việc làm.’

(Chị B, 38 tuổi, công nhân, phỏng vấn ngày 11 tháng 5 năm 2014)

Báo cáo giới và tiền chuyển về của lao động di cư của United Nation năm 2012 đã cho thấy chi tiết hơn về lợi ích mà người di cư mang lại cho bản thân và gia đình: tiền gửi về có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của một bộ phận thành viên cộng đồng nông thôn. Tiền chuyển về đã góp phần xóa đói giảm nghèo cho mỗi hộ gia đình nói riêng và làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn nơi đi, giúp làm tăng thu nhập, tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ, đóng góp cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, từng bước nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội cho địa phương, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nông thôn và đô thị. Trên khía cạnh giới, đó là những bước tiến trong việc nhìn nhận và đánh giá các giá trị của người phụ nữ, cộng đồng đã có cái nhìn chia sẻ hơn đối với những người phụ nữ đi làm ăn xa, đặc biệt là phụ nữ trẻ chưa lập gia đình, những giá trị xã hội mới được cập nhật thường xuyên tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nông thôn và thành thị [19].

Một trong những yếu tố tạo nên lực hút là xu hướng ‘nữ hóa quá trình di cư’. Trên bình diện giới, một số tác giả cho rằng, trước đây, đi làm ăn xa kiếm tiền được coi là trách nhiệm của nam giới. Ngày nay, phụ nữ đã trở thành một phần quan trọng trong những dòng di dân ra đô thị với số lượng ngày càng tăng, tham gia vào mọi lĩnh vực như kinh doanh, thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố. Đã có những thay đổi trong khuôn mẫu và chuẩn mực giới, đóng góp kinh tế gia đình cũng đồng thời giúp vai trò và quyền lực của phụ nữ từng bước được nhìn nhận. Họ đã có thể đưa ra quyết định, nêu ý kiến trước những cơ hội cải thiện điều kiện

kinh tế gia đình, cơ hội thăng tiến xã hội [20]. Về lực đẩy, nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc tích tụ ruộng đất cho nhiều mục đích phi nông nghiệp đã làm người nông dân rơi vào cảnh mất đất sản xuất và thiếu việc làm, đời sống kinh tế của một bộ phận người dân nghèo gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, khả năng giải quyết việc làm của khu vực nông thôn còn hạn chế. Chính những yếu tố khách quan này đã thúc đẩy người nông dân quyết định di cư ra thành thị tìm kiếm việc làm nhằm cải thiện tình trạng kinh tế khó khăn của gia đình, trong đó có phụ nữ.

Bàn về lực đẩy như là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư của người lao động nữ, Đặng Nguyên Anh [3] cho rằng, quyết định di cư thường được đưa ra khi hộ gia đình đã trải qua và đang gánh chịu khó khăn. Một mặt, những yếu tố mang tính cấu trúc tác động đến quyết định di cư bao gồm nhu cầu đối với nguồn lao động, tiền công thấp mà chủ yếu là lao động nữ. Điều này dễ nhận thấy ở đặc điểm các thị trường lao động có mức độ phân khúc cao ở cả nơi đi lẫn nơi đến. Mức đầu tư vào công nghiệp và nông nghiệp nhìn chung thấp, bởi do tình trạng dư thừa lao động và thiếu đất canh tác. Mặt khác, vai trò giới và đặc điểm cá nhân có thể cân bằng lại những yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến quyết định di cư. Điều đáng chú ý là xu hướng này gia tăng cùng với việc phụ nữ ngày càng có tiếng nói hơn trong các quyết định di cư. Hiện tượng nữ hóa di cư sẽ còn tiếp tục cho dù thái độ và quan niệm xã hội về di cư nữ vẫn còn thay đổi chậm chạp ở khu vực Đông Nam Á.

C. Những vấn đề xã hội phát sinh từ sự thay đổi phân công lao động trong gia đình có phụ nữ xuất cư

Di cư cao làm suy giảm dân số và nguồn lực lao động. Tỷ lệ dân số của ĐBSCL so với cả nước từ 22,4% năm 1989 giảm xuống còn 17,9% năm 2019. Trong 10 năm (2009 – 2019), dân số của vùng chỉ tăng hơn 82.000 người, tỉ lệ tăng 0,05%. Trong khi đó, nếu khu vực thành thị tăng 0,98% thì khu vực nông thôn giảm 0,24%. Những tỉnh có dân số giảm đều là những tỉnh mạnh về sản xuất lương thực thủy sản. Các tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau có tỉ lệ tăng trưởng dân số âm lần lượt là 1,16%, 0,75% và 0,1%/năm. Những tỉnh,

thành tăng dân số là những địa phương có công nghiệp, dịch vụ thu hút được nhiều đầu tư, gồm Long An, Tiền Giang, thành phố Cần Thơ có tỉ lệ tăng dân số là 1,625%, 0,54% và 0,39%/năm trong 10 năm.

Di dân đẩy nhanh tốc độ già hóa dân số và thu hẹp quy mô nhân khẩu gia đình. Kết quả điều tra dân số năm 2019 cho thấy tổng số hộ gia đình cả nước là 26,87 triệu, tăng bình quân 1,8%/năm. ĐBSCL có 4,8 triệu hộ, trong đó thành thị 1,23 triệu hộ, nông thôn 3,57 triệu hộ. Quy mô hộ cũng đã giảm từ 4 xuống 3,5 người/hộ và với xu hướng nhỏ dần. Số hộ có 04 người chiếm tỉ lệ 25,6%, 03 người chiếm 22,5% và 2 người là 17,5%, trong khi hộ 5 người chiếm 12,3%, chỉ hơn chút ít so với hộ 01 người (10,5%) [8].

Cũng từ kết quả phân tích dữ liệu định tính với bảy phụ nữ xuất cư và gia đình họ (người ở lại) ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang cho thấy, phần lớn lao động nữ xuất cư đều có xuất phát điểm nền tảng gia đình tương đối thấp, cả về trình độ học vấn, tiềm lực kinh tế, nguồn lực cộng đồng. Họ chủ yếu là lao động phổ thông. Tuy sống ở khu vực nông thôn nhưng những gia đình này lại không có đất ruộng, rẫy để tăng thu nhập. Trong tám phụ nữ được khảo sát, có sáu trường hợp trước khi xuất cư nghề nghiệp chủ yếu của họ là làm thuê, làm mướn cho những lò gạch hoặc cắt lúa, cắt cỏ mướn cho những hộ dân trong vùng hoặc khu vực lân cận, hoặc một số ngành nghề thủ công. Bình quân thu nhập hàng tháng chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt cho một cá nhân trong một ngày. Nhìn chung, gia đình phụ nữ xuất cư thiếu hụt về nguồn vốn sinh kế, khả năng tự tạo việc làm và thoát nghèo của họ gặp nhiều khó khăn và trở ngại. Để cải thiện đời sống kinh tế của bản thân và gia đình, họ quyết định xuất cư và chủ yếu xuất cư cùng với chồng. Cha mẹ già là người ở lại chăm lo nhà cửa và trẻ nhỏ. Từ đây, sự thay đổi phân công lao động giữa các thành viên trong gia đình vốn đã tồn tại nhiều thế hệ thì nay đã khác đi. Điều này tạo nên một sự xáo trộn trong những gia đình có phụ nữ xuất cư ở khu vực nông thôn nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung.

Điều đáng chú ý hơn nữa là sự thay đổi vai trò sản xuất và tái sản xuất của phụ nữ di cư cũng như những thành viên khác trong gia đình có phụ nữ di cư ở khu vực nông thôn tỉnh An Giang hiện

nay. Phụ nữ xuất cư ít nhiều làm biến đổi vai trò giữa các thành viên trong gia đình, điều này được thể hiện trên tất cả các mặt đời sống vật chất lẫn tinh thần của bản thân và gia đình họ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, các vấn đề trong xã hội đều có những tác động tiêu cực lẫn tích cực; những khó khăn và thuận lợi nhất định. Phụ nữ di cư phải lo lắng cho cả hai nơi, cuộc sống nơi họ nhập cư và cuộc sống nơi quê nhà. Phụ nữ di cư ngày càng chịu sức ép khi phải cố gắng đảm nhận tốt vai trò kinh tế và các vai trò phi kinh tế trong gia đình. Sự xáo trộn về vai trò giới, đời sống tình cảm của các thành viên trong gia đình, vai trò giữa vợ với chồng, cha mẹ với con cái ngày càng rõ nét hơn. Gánh nặng đè lên đôi vai của những người già như kinh tế, chăm sóc trẻ nhỏ, bản thân không được quan tâm chăm sóc chu đáo từ người thân khi tuổi già sức yếu. Chẳng hạn trường hợp gia đình chú B và gia đình chị T:

‘Lúc trước khi vợ chồng con trai và đứa cháu nội ở nhà thì nhà ba người cùng đi làm thuê, con dâu làm ngày nửa buổi, đi làm về con dâu đi chợ, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa, lo cho con cái. Ngoài giờ đi làm thuê, chú chỉ ở nhà nghỉ ngơi không làm gì cả. Bây giờ không có con cái sống cùng nên ngoài giờ đi làm thì chú phải làm tất cả công việc nhà. Do sức khỏe không tốt nên chú chỉ đi chợ, nấu cơm, đồ mặc ngày nào giặt ngày đó. Chú không dọn dẹp nhà cửa thường xuyên.’

(Chú B, 50 tuổi, làm mướn, phỏng vấn ngày 21 tháng 7 năm 2014)

‘Con cái thì gửi cho ông bà ngoại, đứa lớn thì làm trên Bình Dương, đứa nhỏ thì ở nhà đi học, có đi nó lo. Chị đi mà đứa con trai nhỏ khóc hoài nên ngày nào chị cũng cố gắng gọi điện thoại về nhắc nhở con cái, sợ vắng cha mẹ nó tụ tập bạn bè lêu lổng không lo học.’

(Chị T, 45 tuổi, buôn bán, phỏng vấn ngày 8 tháng 9 năm 2014)

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã tác động mạnh mẽ đến địa vị của người phụ nữ. Họ đã trực tiếp tham gia vào lao động xã hội và tạo ra thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, trong khi phụ nữ tỏ ra năng động hơn trong việc thực hiện các chiến lược giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho gia đình thì không ít người

đàn ông chưa thực sự nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Nhiều phụ nữ xuất cư vươn lên làm chủ thực sự của gia đình. Điều này làm cho phụ nữ tự tin hơn vào bản thân mình và nâng cao vị thế của họ trong xã hội.

V. KẾT LUẬN

Bài viết đã phân tích tổng quan tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cùng với tác động một phần của biến đổi khí hậu như mất nhà ở do sạt lở đất, giảm đất nông nghiệp để phục vụ phát triển đô thị và công nghiệp. Những yếu tố này dẫn đến sự gia tăng tình trạng di cư của người dân ở các vùng nông thôn của ĐBSCL. Trong tương lai, mô hình khuyết trong các gia đình có phụ nữ di cư đã và đang được duy trì và tiếp diễn do những chiến lược sinh kế của mỗi gia đình. Dù muốn hay không, mô hình gia đình khuyết này vẫn được coi là sự lựa chọn phù hợp trong sự biến đổi của xã hội ngày nay.

Về lâu dài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cùng với 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở ĐBSCL cần phải có chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực nông thôn ĐBSCL nói chung, đặc biệt là sự ổn định và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo ra nhiều cơ hội và động lực để cho mọi đối tượng có thể tiếp cận, thụ hưởng các nguồn lực cộng đồng trong quá trình khởi nghiệp và sáng tạo.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ của 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở ĐBSCL cần thực hiện tốt công tác tư vấn, định hướng, hỗ trợ hộ gia đình, người lao động tiếp cận với các chính sách trên các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ; hạn chế lực lượng lao động nữ phải rời bỏ gia đình, quê hương đi lao động ở những khu cụm công nghiệp, thành phố lớn, rất nhiều rủi ro cho bản thân cũng như con cái và gia đình họ.

Bên cạnh đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ của 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ở ĐBSCL cần có sự trợ giúp và hỗ trợ kịp thời cho nhóm người cao tuổi dễ tổn thương, đặc biệt chú trọng hỗ trợ người cao tuổi neo đơn và chăm sóc trẻ nhỏ trong các gia đình có phụ nữ di cư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Võ Thị Hồng Loan. *Biến đổi cấu trúc tuổi dân số và thị trường lao động*. 2014. Truy cập từ: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/773-bien-doi-cau-truc-tuoi-dan-so-va-thi-truong-lao-dong.html> [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [2] Tổ chức ActionAid quốc tế tại Việt Nam. *Phụ nữ di cư trong nước hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*. Hà Nội: Irish Aid, ActionAid Việt Nam. 2014.
- [3] Đặng Nguyên Anh. Giới và quyết định di cư: Tiếp cận lý thuyết và liên hệ thực tiễn. Trong: sách *Giới và di dân tâm nhìn châu Á*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2013.
- [4] Cao Thị Duyên. Tác động của lao động di cư đến gia đình ở xã Diên Thọ - một số giải pháp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An*. 2012;2.
- [5] Catherine Locke, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Ngân Hoa. Chiến lược và những khó khăn của người lao động di cư tự do từ nông thôn ra thành thị. Trong: *Báo cáo tóm tắt chính sách lần 1, Di cư, sức khỏe sinh sản và cuộc sống: Tìm hiểu những chiến lược của người di cư tự do từ nông thôn ra đô thị ở Việt Nam*. 2020. Vương Quốc Anh: University of East Anglia. Truy cập từ: <https://ueaeprints.uea.ac.uk/id/eprint/27891/4/PolicyBrief2-Vietnamese.pdf> [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [6] Hoàng Bá Thịnh. Công nghiệp hoá nông thôn và những biến đổi trong gia đình nông thôn hiện nay (Nghiên cứu trường hợp xã Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương). Trong: *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, Tiểu ban: Nông thôn, nông nghiệp Việt Nam hiện đại*. 2008; Đại học Quốc gia Hà Nội. Truy cập từ: https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/20159/1/7.pdf [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [7] Zhang H. X, Locke C. A better life? Migration, reproduction and wellbeing in transition. *Society, Biology and Human Affairs*. 2010;75(2): 51–71.
- [8] Phan Thị Thanh Mai. Tổng quan về cuộc sống gia đình của người di cư lao động tự do. *Nghiên cứu Gia đình và Giới*. 2012;22(6): 16–25.
- [9] Catherine Locke, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Thị Ngân Hoa. Các hàm ý chính sách từ các chiến lược gia đình của những người di cư có thu nhập từ nông thôn ra thành thị trong những năm tháng sinh sản quan trọng ở Việt Nam. Trong: *Báo cáo tóm tắt chính sách lần 2, Mối quan hệ giữa di cư, tái sinh sản và phúc lợi xã hội: Tìm hiểu các chiến lược của những người di cư có thu nhập thấp từ nông thôn ra thành thị*. 2010. Vương Quốc Anh: University of East Anglia. Truy cập từ: <https://ueaeprints.uea.ac.uk/id/eprint/27891/4/PolicyBrief2-Vietnamese.pdf> [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [10] Nguyễn Thị Mỹ Trang. *Chăm sóc người cao tuổi ở nông thôn nước ta hiện nay*. 2014. Truy cập từ: <https://hoinguoicaotuoivn.com/cham-soc-nct-7/cham->

- soc-nguoi-cao-tuoi-o-nong-thon-nuoc-ta-hien-nay-922.htm-922.html [Ngày truy cập: 13/7/2022]
- [11] Nguyễn Mạnh Tiến. *Các khái niệm cơ bản về dân số và sự biến động của dân số*. 2023. Truy cập từ: <https://voer.edu.vn/m/cac-khai-niem-co-ban-ve-dan-so-va-su-bien-dong-cua-dan-so/185fc492> [Ngày truy cập: 10/6/2022]
- [12] Tổng cục Thống kê. *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2010.
- [13] Tổng cục Thống kê. *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2020.
- [14] Đặng Nguyên Anh, Irene Leonardelli, Ana Alicia Dipierri. *Đánh giá bằng chứng: di cư, môi trường, và biến đổi khí hậu tại Việt Nam*. Thụy Sĩ: Tổ chức Di cư Quốc tế IOM. 2016. Truy cập từ: https://environmentalmigration.iom.int%20Vietnamese_0.pdf [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [15] Han Entzinger, Peter Scholten. *Thích nghi với biến đổi khí hậu thông qua di cư: Một nghiên cứu về trường hợp Đồng bằng sông Cửu Long*. Thụy Sĩ: Tổ chức Di cư Quốc tế IOM. 2016. Truy cập từ: https://publications.iom.int/system/files/pdf/vietnam_survey_report_vn_0.pdf [Ngày truy cập: 13/07/2022].
- [16] Sở Ngoại vụ tỉnh Tiền Giang. *Tổng quan bức tranh phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010 – 2019*. 2019. Truy cập từ: <http://songoaivu.tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/tong-quan-buc-tranh-phat-trien-vung-ong-bang-song-cuu-long-giai-oan-2010-2019/31490179> [Ngày truy cập: 15/07/2022].
- [17] Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. *Báo cáo kinh tế xã hội*. An Giang. 2014;221/BC-UBND.
- [18] Ngô Phương Lan. Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khơ me ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*. 2012;3: 44–54.
- [19] Tổng cục Thống kê. *Giới và tiền chuyển về của lao động di cư*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê; 2012.
- [20] Nguyễn Minh Sang. *Sự biến đổi cơ cấu xã hội – nghề nghiệp của nông dân Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* [Luận án Tiến sĩ]. Hà Nội: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; 2017.

